

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/3/2021**

---

*Hà Nội, tháng 6 năm 2021*



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Võ Văn Mai	Thành viên	
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2021
Ông Phan Như Long	Thành viên	
Ông Vladislavs Savkins	Thành viên	
Ông David Đỗ	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Xuân	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2021

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2021
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 15/4/2021
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 15/4/2021
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Hải Đoàn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021



Số: 374/2021/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16/6/2021, từ trang 05 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/3/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31/3/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phạm Thị Thảo**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

**Trịnh Thị Trang**  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2017-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/3/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021	01/4/2020
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>472.231.138.874</b>	<b>465.485.475.817</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>162.809.733.361</b>	<b>143.784.737.167</b>
Tiền	111		14.140.886.086	49.215.889.892
Các khoản tương đương tiền	112		148.668.847.275	94.568.847.275
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.088.660.000</b>	<b>88.660.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15	10.088.660.000	88.660.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>197.564.238.975</b>	<b>183.320.804.968</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	136.169.767.220	98.731.546.816
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	22.274.379.751	26.704.413.566
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	7	34.079.244.428	38.961.123.905
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	11.590.756.453	23.739.479.747
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	10,11	(6.549.908.877)	(4.815.759.066)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>29.495.530.758</b>	<b>64.167.246.369</b>
Hàng tồn kho	141		51.913.567.309	64.167.246.369
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.418.036.551)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>72.272.975.780</b>	<b>74.124.027.313</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	272.975.780	1.436.940.850
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	687.086.463
Tài sản ngắn hạn khác	155	8	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.235.555.869</b>	<b>54.395.461.551</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>56.250.000</b>	<b>124.500.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	11	56.250.000	124.500.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>273.947.420</b>	<b>15.131.152.827</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	273.947.420	13.599.840.211
- Nguyên giá	222		18.335.998.041	46.729.051.561
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.062.050.621)	(33.129.211.350)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	1.531.312.616
- Nguyên giá	228		2.970.972.284	6.897.414.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.970.972.284)	(5.366.102.287)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>15.680.620.000</b>	<b>15.680.620.000</b>
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	15.680.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>25.742.438.954</b>	<b>22.834.455.322</b>
Đầu tư vào công ty con	251		37.293.570.000	37.293.570.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.800.000.000	7.800.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		16.862.464.944	16.862.464.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(36.213.595.990)	(39.121.579.622)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>482.299.495</b>	<b>624.733.402</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		482.299.495	624.733.402
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>514.466.694.743</b>	<b>519.880.937.368</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/3/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021	01/4/2020
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>209.712.966.070</b>	<b>191.894.673.111</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>209.212.966.070</b>	<b>189.669.284.641</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	73.176.122.159	47.968.332.385
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.243.879.386	41.841.724.998
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.199.211.993	2.323.103.288
Phải trả người lao động	314		7.093.100.979	3.464.822.202
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.922.524.000	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		789.682.500	1.268.823.780
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	88.588.445.053	92.802.477.988
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	11.200.000.000	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>500.000.000</b>	<b>2.225.388.470</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	500.000.000	1.121.793.738
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	-	1.103.594.732
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>304.753.728.673</b>	<b>327.986.264.257</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>304.753.728.673</b>	<b>327.986.264.257</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		116.974.517.100	116.974.517.100
Cổ phiếu quỹ	415		(38.762.556.372)	(38.762.556.372)
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		951.467.945	4.555.012.545
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(559.020.870)	2.020.639.368
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.510.488.815	2.534.373.177
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>514.466.694.743</b>	<b>519.880.937.368</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	640.492.735.082	478.374.076.427
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	124.128.436	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	640.368.606.646	478.374.076.427
Giá vốn hàng bán	11	23	641.507.189.821	420.907.970.581
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.138.583.175)	57.466.105.846
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.902.422.487	6.287.605.022
Chi phí tài chính	22	25	(2.698.107.186)	10.774.536.110
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		160.704.813	355.231.341
Chi phí bán hàng	25	26	37.347.720.278	35.043.018.329
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	16.300.810.982	15.598.966.388
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(43.186.584.762)	2.337.190.041
Thu nhập khác	31	28	55.799.322.011	2.587.362.815
Chi phí khác	32	29	419.058.110	46.569.864
Lợi nhuận khác	40		55.380.263.901	2.540.792.951
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.193.679.139	4.877.982.992
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.683.190.324	2.343.609.815
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.510.488.815	2.534.373.177

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>12.193.679.139</b>	<b>4.877.982.992</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	02		789.113.657	1.928.883.391
Các khoản dự phòng	03		31.340.607.998	10.641.233.105
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(235.317.098)	175.345.849
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.816.334.786)	(5.828.467.176)
Chi phí lãi vay	06		160.704.813	355.231.341
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(15.567.546.277)</b>	<b>12.150.209.502</b>
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(14.058.282.285)	989.913.070
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		12.253.679.060	(709.610.846)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.142.980.371	9.818.974.260
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(18.417.934)	73.853.741
Tiền lãi vay đã trả	14		(160.704.813)	(355.231.341)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.996.167.963)	(56.645.357)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>(21.404.459.841)</b>	<b>21.911.463.029</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.981.500)	(1.547.196.118)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		67.243.764.906	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	50.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.803.160.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.835.494.971	2.926.887.176
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>65.045.278.377</b>	<b>7.232.851.058</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		29.568.974.253	27.163.887.688
Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.568.974.253)	(27.163.887.688)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.616.570.800)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(24.616.570.800)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>19.024.247.736</b>	<b>29.144.314.087</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>143.784.737.167</b>	<b>114.634.877.533</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		748.458	5.545.547
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>162.809.733.361</b>	<b>143.784.737.167</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Đoàn

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100364579 đăng ký lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/4/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 225.590.300.000 đồng chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/3/2021 là 104 người (tại ngày 31/3/2020 là 107 người).

#### **1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

#### **1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

#### **1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31/3/2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<b>Công ty con</b>			
<b>Cấp 1</b>			
- Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (2)	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%

(1) *Đổi tên từ Công ty Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (HIBF);*

(2) *Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST;*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<b>Công ty liên kết</b>			
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội (3)	Hà Nội, Việt Nam	25%	71,43%
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	35%	98,04%
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	25%	25%
<b>Công ty liên doanh</b>			
- Thời báo Doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	64,27%

*(3) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.*

**1.5. KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2020 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Ngày 29/10/2018, Công ty đã có Giấy xác nhận của Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội về việc chuyển đổi năm tài chính từ ngày 01/4 đến ngày 31/3 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

**2.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### **4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2020.

### **4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### **4.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung phân bổ.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.



#### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i><b>Loại tài sản</b></i>	<i><b>Thời gian sử dụng (năm)</b></i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	05
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

##### **4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

##### ***Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

#### **4.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

##### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

##### ***Đầu tư vào Công ty con***

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại công ty con; hoặc
- d. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại công ty con.

##### ***Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh***

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh;
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

**4.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.13 DOANH THU, THU NHẬP KHÁC**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.13 DOANH THU, THU NHẬP KHÁC (TIẾP)**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

##### ***Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

##### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### ***Thu nhập từ các khoản đầu tư***

Thu nhập từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### ***Thanh lý nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

#### **4.14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.16 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm.

Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam”. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

#### **4.17 THUẾ**

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

##### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.18. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**4.19. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Tiền mặt	22.304.288	769.089.390
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.118.581.798	28.446.800.502
Tiền đang chuyển	-	20.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	148.668.847.275	94.568.847.275
	<b>162.809.733.361</b>	<b>143.784.737.167</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 01 tháng kể từ thời điểm gửi tiền.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Công ty CP tập đoàn công nghệ và đầu tư Việt	-	11.871.721.059
Công ty TNHH ZICO Việt Nam	-	4.682.073.696
Công ty TNHH Thương Mại và Công Nghệ Tân Thành An	-	3.815.468.086
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hưng Phát	-	1.503.480.000
Công ty TNHH Công nghệ Đông Ngân	3.414.062.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vương	9.886.239.000	-
Đối tượng khác	8.974.078.751	4.831.670.725
	<b>22.274.379.751</b>	<b>26.704.413.566</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Cục công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	3.269.987.877
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	34.079.244.428	34.079.244.428
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)	-	1.265.000.000
Phải thu theo tiến độ hợp đồng khác	-	346.891.600
	<b><u>34.079.244.428</u></b>	<b><u>38.961.123.905</u></b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng Bảo Việt").

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/3/2021, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn ghi nhận giá gốc của khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72 tỷ VND và ghi nhận tương ứng số tiền nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" (được trình bày tại Thuyết minh số 18).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.041.864.276	(22.418.036.551)	43.013.788.770	-
Hàng hóa	14.871.703.033	-	21.153.457.599	-
	<b>51.913.567.309</b>	<b>(22.418.036.551)</b>	<b>64.167.246.369</b>	<b>-</b>

**10. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>136.169.767.220</b>	<b>(1.436.993.886)</b>	<b>98.731.546.816</b>	<b>(770.126.066)</b>
- Công Ty Cổ phần Điện ảnh Truyền Hình (Vinematim)	-	-	17.039.076.238	-
- Cục công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.497.038.333	-	25.613.825.320	-
- Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy TP HCM	-	-	7.264.931.500	-
- Công ty CP Chứng khoán SSI - CN Hà Nội	-	-	5.633.740.000	-
- Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.141.585.013	-	4.141.585.013	-
- Bộ tư lệnh 86/BQP	3.910.000.000	-	3.910.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	-	-	11.166.786.667	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)	49.576.200.000	-	440.366.666	-
- Công ty TNHH Bệnh viện ĐKTN An sinh -Phúc Trường Minh	10.169.614.245	-	-	-
- Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)	17.810.410.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông di động Vietnamobile	8.044.246.000	-	-	-
- Các khách hàng khác	38.020.673.629	(1.436.993.886)	23.521.235.412	(770.126.066)
	<b>136.169.767.220</b>	<b>(1.436.993.886)</b>	<b>98.731.546.816</b>	<b>(770.126.066)</b>
<b>Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>740.774.085</b>	<b>(740.774.085)</b>	<b>740.774.085</b>	<b>(740.774.085)</b>
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	663.440.565	(663.440.565)	663.440.565	(663.440.565)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	77.333.520	(77.333.520)	77.333.520	(77.333.520)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 11. PHẢI THU KHÁC

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.590.756.453</b>	<b>(5.112.914.991)</b>	<b>23.739.479.747</b>	<b>(4.045.633.000)</b>
- Tạm ứng	1.737.777.897	-	15.793.028.039	(4.045.633.000)
- Ký cược, ký quỹ	3.275.863.461	-	3.627.041.554	-
- Bảo hiểm xã hội	967.376	-	5.270.206	-
- Phải thu các công ty con	1.067.281.991	(1.067.281.991)	3.419.369.121	-
- Phải thu khác	5.508.865.728	(4.045.633.000)	894.770.827	-
<b>Dài hạn</b>	<b>56.250.000</b>	<b>-</b>	<b>124.500.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	56.250.000	-	124.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.647.006.453</b>	<b>(5.112.914.991)</b>	<b>23.863.979.747</b>	<b>(4.045.633.000)</b>
<b>Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>1.067.281.991</b>	<b>(1.067.281.991)</b>	<b>7.608.132.428</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	-	-	2.349.887.130	-
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	1.067.281.991	(1.067.281.991)	1.067.281.991	-
- Tạm ứng cho các cá nhân trong HĐQT, BTGD và Kế toán trưởng	-	-	4.190.963.307	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/4/2020	18.748.120.749	9.575.516.213	848.270.909	17.557.143.690	46.729.051.561
- Mua trong năm	-	-	-	33.981.500	33.981.500
- Thanh lý, nhượng bán	(18.748.120.749)	(9.415.516.213)	-	(263.398.058)	(28.427.035.020)
31/3/2021	-	160.000.000	848.270.909	17.327.727.132	18.335.998.041
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/4/2020	9.738.021.795	5.358.854.499	493.399.511	17.538.935.545	33.129.211.350
- Khấu hao trong năm	287.861.885	313.674.590	106.033.864	27.079.759	734.650.098
- Thanh lý, nhượng bán	(10.025.883.680)	(5.512.529.089)	-	(263.398.058)	(15.801.810.827)
31/3/2021	-	160.000.000	599.433.375	17.302.617.246	18.062.050.621
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/4/2020	9.010.098.954	4.216.661.714	354.871.398	18.208.145	13.599.840.211
31/3/2021	-	-	248.837.534	25.109.886	273.947.420

Tại ngày 31/3/2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 17.258.729.993 đồng (tại ngày 31/3/2020 là 21.594.274.685 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/4/2020	3.926.442.619	2.970.972.284	6.897.414.903
- Thanh lý, nhượng bán	(3.926.442.619)	-	(3.926.442.619)
31/3/2021	-	<u>2.970.972.284</u>	<u>2.970.972.284</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/4/2020	2.395.130.003	2.970.972.284	5.366.102.287
- Khấu hao trong năm	54.463.559	-	54.463.559
- Thanh lý, nhượng bán	(2.449.593.562)	-	(2.449.593.562)
31/3/2021	-	<u>2.970.972.284</u>	<u>2.970.972.284</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/4/2020	<u>1.531.312.616</u>	-	<u>1.531.312.616</u>
31/3/2021	-	-	-

Tại ngày 31/3/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.970.972.284 đồng (tại ngày 31/3/2020 là 2.970.972.284 đồng).

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu năm <u>VND</u>	Tăng trong năm <u>VND</u>	Giảm trong năm <u>VND</u>	Số cuối năm <u>VND</u>
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để bán</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## 15.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.088.660.000	10.088.660.000	88.660.000	88.660.000
	<b>10.088.660.000</b>	<b>10.088.660.000</b>	<b>88.660.000</b>	<b>88.660.000</b>

Bao gồm: Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng Tiên Phong Bank có kỳ hạn 6 tháng với số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 6,05%/năm và Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng Liên Việt Post Bank có kỳ hạn 1 năm số tiền 88.660.000 đồng, lãi suất 6,9%/năm.

## 15.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>37.293.570.000</b>	<b>(22.915.972.976)</b>	<b>37.293.570.000</b>	<b>(25.996.164.532)</b>
- Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest)	10.000.000.000	(3.326.222.735)	10.000.000.000	(3.324.222.735)
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	10.000.000.000	(6.917.265.817)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	5.000.000.000	(378.914.424)	5.000.000.000	(378.371.797)
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội	2.293.570.000	(2.293.570.000)	2.293.570.000	(2.293.570.000)
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>7.800.000.000</b>	<b>(7.000.000.000)</b>	<b>7.800.000.000</b>	<b>(7.000.000.000)</b>
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(2.500.000.000)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(2.500.000.000)
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	800.000.000	-	800.000.000	-
- Thời báo Doanh nhân	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
<b>Đơn vị khác</b>	<b>16.862.464.944</b>	<b>(6.297.623.014)</b>	<b>16.862.464.944</b>	<b>(6.125.415.090)</b>
- Công ty CP Dịch vụ nền di động Việt Nam	7.764.044.944	(6.297.623.014)	7.764.044.944	(6.125.415.090)
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	9.098.420.000	-	9.098.420.000	-
	<b>61.956.034.944</b>	<b>(36.213.595.990)</b>	<b>61.956.034.944</b>	<b>(39.121.579.622)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****15.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)**

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng vì không có giá giao dịch trên thị trường.

*Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>(39.121.579.622)</b>	<b>(32.246.464.225)</b>
Trích lập dự phòng bổ sung	(174.750.551)	(10.075.115.397)
Hoàn nhập dự phòng	3.082.734.183	-
Giảm khác	-	3.200.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(36.213.595.990)</b>	<b>(39.121.579.622)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/3/2021		01/4/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Flextron Pte.Ltd	-	-	3.258.724.451	3.258.724.451
- BTG Asia Co., Limited	4.276.512.371	4.276.512.371	6.506.618.300	6.506.618.300
- Công ty TNHH ZICO Việt Nam	3.675.400.000	3.675.400.000	3.675.400.000	3.675.400.000
- Golden Hawk Information Technology Limited	18.219.661.646	18.219.661.646	1.819.454.000	1.819.454.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	473.490.000	473.490.000	1.400.600.000	1.400.600.000
- Công ty cổ phần phân phối Việt Nét	457.637.128	457.637.128	1.539.957.590	1.539.957.590
- Công ty cổ phần công nghệ Elite	2.643.269.719	2.643.269.719	13.046.635.717	13.046.635.717
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Phát Triển Công nghệ Việt	5.107.843.663	5.107.843.663	1.433.298.057	1.433.298.057
- Cty TNHH Tổng Cty Công nghệ và giải pháp CMC	5.040.000.000	5.040.000.000	-	-
- Công ty TNHH công nghệ VETAMI	8.042.309.550	8.042.309.550	-	-
- Đối tượng khác	25.239.998.082	25.239.998.082	15.287.644.270	15.287.644.270
	<b>73.176.122.159</b>	<b>73.176.122.159</b>	<b>47.968.332.385</b>	<b>47.968.332.385</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>97.402.870</b>	<b>97.402.870</b>	-	-
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm	97.402.870	97.402.870	-	-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/4/2020	Số nợ thừa trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	31/3/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>687.086.463</b>	-	<b>687.086.463</b>	-
- Thuế thu nhập cá nhân nợ thừa	687.086.463	-	687.086.463	-
	01/4/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/3/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>2.323.103.288</b>	<b>34.024.036.934</b>	<b>33.147.928.229</b>	<b>3.199.211.993</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	9.392.306.640	6.403.239.205	2.989.067.435
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.052.276.156	9.052.276.156	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	30.276.196	30.276.196	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.323.103.288	10.683.190.324	12.996.167.963	10.125.649
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.812.158.638	1.612.139.729	200.018.909
- Các loại thuế khác	-	3.053.828.980	3.053.828.980	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>88.588.445.053</b>	<b>92.802.477.988</b>
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	6.442.011.119	6.442.011.119
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn công nghệ HIPT	4.304.073.727	4.304.073.727
- Tạm ứng từ các cá nhân	-	2.504.013.001
- Tạm ứng liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh số 8)	72.000.000.000	72.000.000.000
- Khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112	2.656.280.900	2.656.280.900
- Phải trả cổ tức	454.283.175	327.829.575
- Kinh phí công đoàn	154.196.647	130.428.547
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.577.599.485	4.437.841.119
<b>Dài hạn</b>	<b>500.000.000</b>	<b>1.121.793.738</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	621.793.738
- Các cá nhân ủy thác đầu tư	500.000.000	500.000.000
	<b>89.088.445.053</b>	<b>93.924.271.726</b>
<b>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</b>	<b>10.746.084.846</b>	<b>10.746.084.846</b>
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	6.442.011.119	6.442.011.119
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn công nghệ HIPT	4.304.073.727	4.304.073.727

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/3/2021	01/4/2020
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	1.103.594.732
Dự phòng phải trả khác (*)	11.200.000.000	-
	<b>11.200.000.000</b>	<b>1.103.594.732</b>

(\*) Là khoản dự phòng phải trả chi phí bản quyền Oracle giá trị 9.600.000.000 đồng và khoản chi phí nhân sự dự kiến còn phát sinh thêm tới khi kết thúc Hợp đồng 10-10/2014/HĐPM ký với Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## 20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/4/2019	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	2.020.639.368	325.451.891.080
- Lãi trong năm	-	-	-	-	2.534.373.177	2.534.373.177
31/3/2020	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	4.555.012.545	327.986.264.257
01/4/2020	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	4.555.012.545	327.986.264.257
- Lãi trong năm	-	-	-	-	1.510.488.815	1.510.488.815
- Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	-	-	-	(19.628.990.984)	19.628.990.984	-
- Tạm ứng cổ tức (*)	-	-	-	-	(24.743.024.399)	(24.743.024.399)
31/3/2021	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	-	951.467.945	304.753.728.673

(\*) Theo Nghị quyết số 01-20/NQ/ĐHĐCĐ/HIPT ngày 19/09/2020 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện chuyển toàn bộ số dư của Quỹ đầu tư phát triển trên Báo cáo tài chính về Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Đồng thời, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức cho năm tài chính 2020 -2021. Tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 12%/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	225.590.300.000	225.590.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.743.024.399	-

**20.3 CỔ PHIẾU**

	31/3/2021 CP	01/4/2020 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.939.843	1.939.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.939.843	1.939.843
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.619.187	20.619.187
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.619.187	20.619.187
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/3/2021	01/4/2020
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- Ngoại tệ USD	14.211,97	18.296,66
- Ngoại tệ EUR	2.747,79	637,63

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa số	Năm xóa	31/3/2021 VND	01/4/2020 VND
Phải thu Công ty Cho thuê tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	Không còn giao dịch	2015	20.991.178.683	20.991.178.683
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch	2016	1.310.284.298	1.310.284.298
			<b>22.759.397.641</b>	<b>22.759.397.641</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>640.492.735.082</b>	<b>478.374.076.427</b>
- Doanh thu bán hàng hóa phần cứng	417.002.912.291	281.786.069.866
- Doanh thu cung cấp phần mềm, chương trình	143.544.719.815	146.719.519.734
- Doanh thu cho thuê văn phòng	922.336.445	3.904.688.747
- Doanh thu dịch vụ khác	79.022.766.531	45.963.798.080
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(124.128.436)</b>	<b>-</b>
- Giảm giá hàng bán	(124.128.436)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>640.368.606.646</b>	<b>478.374.076.427</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa	386.681.650.753	249.869.655.649
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	232.407.502.517	171.038.314.932
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	22.418.036.551	-
	<b>641.507.189.821</b>	<b>420.907.970.581</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	7.210.719.893	1.568.643.290
- Cổ tức được chia	624.775.078	1.358.243.886
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	831.610.418	459.137.846
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	235.317.098	-
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	2.901.580.000
	<b>8.902.422.487</b>	<b>6.287.605.022</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	160.704.813	355.231.341
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(2.907.983.632)	10.075.115.397
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	49.044.970	168.831.419
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	175.345.849
- Chi phí tài chính khác	126.663	12.104
	<b>(2.698.107.186)</b>	<b>10.774.536.110</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	25.692.158.268	23.484.211.375
- Chi phí dự phòng bảo hành	-	419.683.304
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.512.486	69.900.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.361.142.542	4.880.645.888
- Chi phí bằng tiền khác	8.278.906.982	6.188.577.762
	<b>37.347.720.278</b>	<b>35.043.018.329</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	6.507.150.637	6.832.590.679
- Dự phòng phải thu khó đòi	1.734.149.811	485.597.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	773.601.171	1.858.983.391
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.200.668.972	3.948.255.523
- Chi phí bằng tiền khác	2.085.240.391	2.473.539.795
	<b>16.300.810.982</b>	<b>15.598.966.388</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Được thưởng, được bồi thường	2.879.704.464	2.365.206.853
- Thu từ thanh lý hàng hóa	-	13.500.000
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	51.980.839.815	-
- Thu nhập khác	938.777.732	208.655.962
	<b>55.799.322.011</b>	<b>2.587.362.815</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản phạt thuế	3.627.621	4.140.219
- Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng	415.361.149	32.821.103
- Chi phí khác	69.340	9.608.542
	<b>419.058.110</b>	<b>46.569.864</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.193.679.139	4.877.982.992
<b>Cộng:</b>	<b>41.847.796.018</b>	<b>8.101.322.882</b>
Chi phí không được trừ	41.094.971.010	8.101.322.882
Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm trước	5.545.547	-
Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm 2017	747.279.461	-
<b>Trừ:</b>	<b>(625.523.536)</b>	<b>(1.363.789.433)</b>
Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(748.458)	(5.545.547)
Thu nhập được miễn thuế	(624.775.078)	(1.358.243.886)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>53.415.951.621</b>	<b>11.615.516.441</b>
<b>Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản</b>	<b>51.980.839.815</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	10.396.167.963	-
<b>Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>1.435.111.806</b>	<b>11.615.516.441</b>
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	287.022.361	2.323.103.288
<b>Thuế TNDN trong năm</b>	<b>10.683.190.324</b>	<b>2.323.103.288</b>
Nộp thuế phạt TNDN do hóa đơn vi phạm	-	20.506.527
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>10.683.190.324</b>	<b>2.343.609.815</b>

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	32.199.308.905	30.316.802.054
Dự phòng	35.352.186.362	546.165.022
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	350.964.197.476	273.348.737.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	789.113.657	1.928.883.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.290.441.226	153.320.204.089
Chi phí khác	26.832.088.914	12.998.053.521
	<b>692.427.336.540</b>	<b>472.458.846.041</b>

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	37.758.558.000	14.645.980.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	624.775.078	1.358.243.886

**Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	1.174.360.000	702.094.546
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	1.104.360.000	1.157.360.000
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	645.860.000	579.860.000
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	556.360.000	574.360.000
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc từ T5/2019 đến 5/1/2020	-	874.833.636
		<b>3.480.940.000</b>	<b>3.888.508.182</b>

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Hội đồng quản trị		Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>276.000.000</b>	<b>258.000.000</b>
Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Võ Văn Mai	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Đặng Minh Đức	Thành viên	36.000.000	27.000.000
Ông Phan Như Long	Thành viên	36.000.000	27.000.000
Ông Vladislavs Savkins	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông David Đỗ	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	36.000.000	36.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Xuân	Trưởng ban	36.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	12.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban đến T9/2019	-	9.000.000
Bà Vũ Thị Việt Hà	Thành viên đến T9/2019	-	3.000.000
		<b>336.000.000</b>	<b>318.000.000</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 10 "Phải thu khách hàng";
- Thuyết minh số 11 "Phải thu khác";
- Thuyết minh số 15 "Các khoản đầu tư tài chính";
- Thuyết minh số 18 "Phải trả khác".
-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2020 đã được kiểm toán.

**Người lập**



**Nguyễn Hải Yến**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Trần Hiền**

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

**Tổng Giám đốc**



**Lê Hải Đoàn**

